

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

PHẠM THỊ CHUYỀN

**BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ
TRONG QUAN HỆ NHÂN THÂN GIỮA VỢ VÀ CHỒNG
THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2014**

Chuyên ngành : Luật dân sự và tố tụng dân sự

Mã số : 60 38 01 03

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Bùi Minh Hồng

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015.

**Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội Trung
tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		Trang
<i>Trang phụ bìa</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
<i>Danh mục các đồ thị</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG QUAN HỆ NHÂN THÂN GIỮA VỢ VÀ CHỒNG	5		
1.1. Khái niệm quyền của người phụ nữ và bảo vệ quyền của người phụ nữ	5		
1.1.1. Quyền của người phụ nữ	5		
1.1.2. Bảo vệ quyền của người phụ nữ	9		
1.1.3. Bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng	12		
1.2. Sự phát triển của quy định về quyền của người phụ nữ và bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng ở Việt Nam	14		
1.2.1. Quyền của người phụ nữ trong pháp luật trước cách mạng	14		
1.2.2. Quyền của người phụ nữ trong pháp luật hôn nhân và gia đình từ cách mạng tháng tám năm 1945 đến nay	18		
Chương 2: NỘI DUNG BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG QUAN HỆ NHÂN THÂN GIỮA VỢ VÀ CHỒNG THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2014	29		
2.1. Quyền của người vợ được thương yêu, chung thủy và được chăm sóc, quý trọng	29	2.2. Quyền bình đẳng của người vợ trong việc thực hiện các quan hệ gia đình	33
2.1.1. Quyền được yêu thương, chung thủy	29	2.2.1. Quyền bình đẳng của vợ đối với chồng trong mối quan hệ với con	33
2.1.2. Quyền được chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng	31	2.2.2. Quyền bình đẳng trong việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình	37
2.1.3. Quyền sống chung giữa vợ và chồng	32	2.2.3. Quyền đại diện của người vợ	40
		2.2.4. Quyền của người vợ trong việc thực hiện trách nhiệm liên đới của vợ, chồng	43
		2.2.5. Quyền được lựa chọn nơi cư trú	45
		2.2.6. Quyền được lựa chọn nghề nghiệp, học tập và tham gia các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội	46
		2.2.7. Quyền được tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo	54
		2.2.8. Quyền của người vợ trong việc ly hôn	58
		Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG QUAN HỆ NHÂN THÂN GIỮA VỢ VÀ CHỒNG	64
		3.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng	64
		3.1.1. Những thành tựu đã đạt được	64
		3.1.2. Một số khó khăn, vướng mắc trong việc bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng	68
		3.2. Một số đề xuất nhằm bảo đảm quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng	77
		3.2.1. Tiếp tục hoàn thiện các quy định trong các văn bản pháp luật về hôn nhân và gia đình	77
		3.2.2. Nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật	84
		KẾT LUẬN	88
		DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	89

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Luật hôn nhân và gia đình (HN&GD) năm 2014 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Đây là một bước hoàn thiện quan trọng về cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ, xây dựng chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các thành viên trong gia đình, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Xuất phát từ mục đích của việc xác lập quan hệ vợ chồng là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững, kế thừa và phát triển các quy định của Luật HN&GD năm 2000, Luật HN&GD năm 2014 khi điều chỉnh các quan hệ giữa vợ và chồng đã dựa trên nguyên tắc tiến bộ, bình đẳng và đưa ra nhiều quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng.

Bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng là một vấn đề rất cơ bản nhưng chưa được nghiên cứu một cách chuyên sâu, thấu đáo đặc biệt trong nền kinh tế thị trường hiện nay đang có những chuyển biến phức tạp, quyền nhân thân của người phụ nữ trong quan hệ giữa vợ và chồng đang ngày càng bị xâm phạm dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau, chẳng hạn như nạn bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần...

Để đưa ra nhiều biện pháp giải quyết hiệu quả, nhằm thúc đẩy và thực hiện tốt hơn nữa quyền bình đẳng của người phụ nữ thì việc nghiên cứu vấn đề "**Bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014**" có ý nghĩa lí luận và thực tiễn sâu sắc.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề về quyền của người phụ nữ hiện nay cũng đã có một số đề tài nghiên cứu dưới những góc độ khác nhau như khóa luận tốt nghiệp năm 2003: "*Bảo vệ quyền của người phụ nữ theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000*", của Lương Thị Kim Dung, Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội;

Luận văn thạc sĩ: "*Ảnh hưởng của Nho giáo đến các quy định pháp luật Việt Nam về mối quan hệ giữa vợ và chồng*", của Đinh Hạnh Nga, Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội; Luận văn Thạc sĩ: "*Bảo vệ quyền người phụ nữ trong quan hệ tài sản giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000*", của Trần Thị Hồng Nhung, Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội... Tuy nhiên, vấn đề bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng chưa được nghiên cứu một cách chuyên sâu và quan tâm đúng mức. Các công trình nghiên cứu mới chỉ nghiên cứu về việc bảo vệ quyền của người phụ nữ một cách nói chung hay chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu về bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ tài sản giữa vợ và chồng mà chưa có sự đề cập tới việc bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

* Mục đích

- Tìm hiểu những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng theo Luật HN&GD năm 2014 trong đó có xem xét dưới góc độ bình đẳng giới. Từ đó, tìm ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về vấn đề này và nâng cao hơn nữa vấn đề bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng.

* Nhiệm vụ

- Tìm hiểu cơ sở lý luận về quyền của người phụ nữ và bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng.

- Tìm hiểu thực trạng về nội dung bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ với chồng theo Luật HN&GD năm 2014.

- Đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật về bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ với chồng.

4. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Với đề tài "**Bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014**" luận văn tập

trung làm rõ những vấn đề về bảo vệ quyền nhân thân của người phụ nữ với tư cách là người vợ, người mẹ trong quan hệ giữa vợ và chồng, tức là các quyền nhân thân phát sinh trên cơ sở quan hệ hôn nhân

Vì vậy, những vấn đề về quyền của người phụ nữ không gắn liền với quan hệ vợ chồng không thuộc phạm vi nghiên cứu của luận văn.

5. Phương pháp nghiên cứu của luận văn

Để đạt được mục đích đề ra, tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như sau:

- Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng của Đảng và Nhà nước về pháp luật

- Các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phân tích, so sánh, thống kê, tổng hợp.

6. Ý nghĩa và điểm mới của luận văn

- Luận văn nghiên cứu và phân tích sâu sắc, toàn diện về ý nghĩa, mục đích, nội dung bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng dưới góc độ bình đẳng giới.

- Luận văn đánh giá thực trạng về nội dung bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng trên thực tế, đưa ra một số kiến nghị, giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về vấn đề này và nâng cao hiệu quả việc bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng, nhằm thực hiện bình đẳng giữa vợ và chồng trên thực tế.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng

Chương 2: Nội dung bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Chương 3: Thực tiễn áp dụng pháp luật và một số kiến nghị nhằm bảo đảm quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng.

Chương 1 **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ** **TRONG QUAN HỆ NHÂN THÂN GIỮA VỢ VÀ CHỒNG**

1.1. Khái niệm về quyền của người phụ nữ và bảo vệ quyền của người phụ nữ

1.1.1. Quyền của người phụ nữ

Quyền của người phụ nữ là tập hợp các quyền của con người mà người phụ nữ được hưởng, được tôn trọng, được bảo vệ và bảo đảm thực hiện bằng hệ thống các quy định của pháp luật

1.1.2. Bảo vệ quyền của người phụ nữ

Hệ thống các biện pháp, cách thức được pháp luật quy định nhằm bảo đảm việc thực thi đầy đủ, có hiệu quả các quyền con người của người phụ nữ trên thực tế cũng như xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm quyền của người phụ nữ

1.1.3. Bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng

1.1.3.1. Khái niệm

Việc pháp luật ghi nhận quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân với người chồng và bảo đảm cho các quyền này được thực hiện đầy đủ trên thực tế

1.1.3.2. Ý nghĩa của việc bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng

- Bảo vệ quyền của người vợ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng góp phần xóa bỏ tư tưởng gia trưởng - phong kiến, quyền áp đặt của người chồng.

- Bảo vệ quyền nhân thân của người vợ là cơ sở cho việc phòng chống bạo lực gia đình, cũng như để đảm bảo bình đẳng về giới thực chất giữa vợ và chồng trên thực tế.

- Bảo vệ quyền nhân thân của người vợ có tác động to lớn trong việc bảo đảm vị thế, vai trò của người vợ trong gia đình và xã hội.

- Xử lý kịp thời các hành vi xâm phạm quyền nhân thân của người vợ - Mặt khác, việc pháp luật công nhận và bảo vệ quyền của người phụ nữ về

nhân thân đảm bảo sự tương đồng hài hòa với pháp luật quốc tế và xu hướng tiến bộ của nhân loại trong việc bảo đảm quyền của người phụ nữ trong quan hệ giữa vợ và chồng. Điều đó phù hợp với những cam kết của Việt Nam với các điều ước quốc tế ký kết như: Công ước ILO, Công ước CEDAW...

1.2. Sự phát triển của quy định về quyền của người phụ nữ và bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng ở Việt Nam

1.2.1. Quyền của người phụ nữ trong pháp luật trước Cách mạng tháng 8 năm 1945

1.2.1.1. Quyền của người phụ nữ trong cổ luật Việt Nam

* *Quyền nhân thân thể hiện trong quan hệ tình cảm giữa vợ và chồng*

Trong quan hệ tình cảm giữa vợ và chồng quyền của người phụ nữ được thể hiện tại:

Điều 308 Bộ Luật Hồng Đức quy định: *"Phàm người chồng bỏ lưng vợ 5 tháng không đi lại (vợ được trình lên quan sở tại và xã quan làm chứng) thì mất vợ. Nếu vợ đã có con thì cho hạn 1 năm. Vì việc quan phải đi xa không theo luật này"*

Điều 404 Bộ Luật Hồng Đức quy định: *"người chồng đánh vợ bị thương thì xử như tội đánh người bị thương nhưng nhẹ hơn 3 bậc"*. Quy định này thể hiện nét nhân văn sâu sắc của Bộ Luật Hồng Đức trong việc bảo vệ quyền của người phụ nữ.

* *Quyền nhân thân của người vợ trong mối quan hệ với các con*

Trong mối quan hệ đối với các con, quyền của người vợ được thể hiện trong trường hợp: *"khi ly hôn, con cái thường thuộc về chồng, nhưng nếu muốn giữ con, người vợ có quyền đòi chia một nửa số con"* (Điều 310 Bộ luật Hồng Đức). Quy định này góp phần tạo điều kiện cho người mẹ được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con cái, được thực hiện chức năng cao cả của mình.

* *Bảo vệ quyền của người vợ trong việc ly hôn*

Có thể nói, các quy định của pháp luật phong kiến liên quan đến quyền ly hôn giữa vợ và chồng phần nào bảo vệ quyền lợi của người vợ trong trường hợp "tam bất khứ" nghĩa là kể cả khi người vợ phạm vào "thất xuất"

thì trong ba trường hợp sau thì người chồng không được phép ly hôn người vợ theo quy định tại Điều 165 Bộ luật Hồng Đức. Đây là những quy định tốt, bảo vệ được quyền lợi chính đáng cho người vợ

1.2.1.2. Quyền của người phụ nữ trong pháp luật Việt Nam thời kì Pháp thuộc

Pháp luật thời kì này cũng có một số quy định thể hiện được quyền của người phụ nữ và bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ giữa vợ và chồng thông qua việc quy định duyên có mà người vợ có thể xin ly hôn người chồng tại Điều 118 Bộ luật Trung Kỳ 1936

Có thể nói rằng, những quy định này bắt đầu thể hiện việc "cởi trói" cho người phụ nữ. Các quy định về duyên có mà theo đó người vợ có thể xin ly hôn đem đến cho người vợ một sự bình đẳng nhất định so với người chồng.

1.2.2. Quyền của người phụ nữ trong pháp luật hôn nhân và gia đình từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay

1.2.2.1. Quyền của người phụ nữ trong pháp luật hôn nhân và gia đình giai đoạn từ 1945 đến 1954

Sắc lệnh số 97/SL được ban hành ngày 22 tháng 5 năm 1950 về việc sửa đổi một số quy lệ và chế định trong dân luật. Sắc lệnh đã cụ thể hóa quyền bình đẳng của người vợ trong gia đình *"Chồng và vợ có địa vị bình đẳng trong gia đình"* (Điều 5). Đây là những quy định thể hiện một sự quan tâm đặc biệt đến phụ nữ.

Sắc lệnh 159/SL được ban hành ngày 17 tháng 11 năm 1950 quy định về duyên có ly hôn chung cho cả hai vợ chồng. Theo đó, vợ chồng bình đẳng với nhau về quyền xin ly hôn. Cụ thể, Điều 2 Sắc lệnh số 159/SL quy định: *"Vợ, chồng đều có quyền ly hôn nếu một bên ngoại tình; một bên can án phạt giam; một bên mắc bệnh điên hoặc bệnh khó chữa khỏi; một bên bỏ nhà đi quá hai năm không có duyên có chính đáng; vợ, chồng tình hình không hợp hoặc đối xử với nhau đến nỗi không thể chung sống được"*

Đặc biệt, trong đó có quy phạm "ưu tiên" cho người phụ nữ trên cơ sở xem xét những đặc thù về giới. Điều 5 quy định *"Nếu người vợ có thai thì vợ hay chồng có thể xin tòa hoãn đến sau kỳ sinh nở mới xử việc ly hôn"*. Việc người vợ được xin hoãn ly hôn khi đang mang thai là điều kiện tốt để bảo vệ bà mẹ và thai nhi.

1.2.2.2. Quyền của người phụ nữ trong pháp luật hôn nhân và gia đình giai đoạn từ 1954 đến 1975

Hiến pháp năm 1959 được ban hành và thay thế Hiến pháp năm 1946, tiếp tục ghi nhận sự bình đẳng giữa nam và nữ tại Điều 24: "Phụ nữ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có quyền bình đẳng với nam giới về các mặt sinh hoạt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình...". Sự ghi nhận này trong bản Hiến pháp 1959 làm cơ sở cho Luật HN&GD năm 1959 được ban hành. Theo đó, người vợ được bình đẳng với người chồng về các quyền HN&GD như bình đẳng trong nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ nhau tiến bộ quy định tại Điều 13; người vợ được ưu tiên bảo vệ xét dưới góc độ đặc thù về giới, chẳng hạn trong ly hôn Điều 29.

Có thể nói, Luật HN&GD năm 1959 là công cụ hữu hiệu để xóa bỏ mọi tàn tích của chế độ HN&GD phong kiến, tư sản, đảm bảo quyền bình đẳng cho người phụ nữ, góp phần to lớn vào việc xây dựng chế độ HN&GD mới, tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

Trong giai đoạn này, bên cạnh Luật HN&GD năm 1959 tiến bộ thì ở miền Nam các chính quyền ở Sài Gòn đã ban hành một số văn bản pháp luật để điều chỉnh vấn đề HN&GD như: Luật Gia đình ngày 02 tháng 01 năm 1959 của chính quyền Ngô Đình Diệm; Sắc luật số 15/64 ngày 23 tháng 7 năm 1964 của chính quyền Nguyễn Khánh; Bộ Dân luật Sài Gòn ngày 20 tháng 12 năm 1972 của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Nhìn chung, các văn bản pháp luật này vẫn bảo vệ quyền gia trưởng, phân biệt đối xử, bất bình đẳng giới giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, ta có thể thấy được những điểm tiến bộ trong việc bảo vệ quyền phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng trong hệ thống các văn bản trên như sau:

** Luật gia đình ngày 02 tháng 01 năm 1959 (Luật số 1-59) của chính quyền Ngô Đình Diệm*

Luật số 1-59 ban hành ngày 02 tháng 01 năm 1959 gồm 135 Điều quy định về hôn nhân và gia đình. Đây là lần đầu tiên trong nền pháp chế thành văn Việt Nam bãi bỏ chế độ một chồng nhiều vợ: "Chế độ đa thê từ nay bị bãi bỏ hẳn". Quy định thể hiện sự tiến bộ đáng kể trong việc đảm bảo chế độ

hôn nhân một vợ một chồng. Bên cạnh đó, quy định về ly thân tại Điều 55 của Luật: "*Cấm ly hôn, chỉ được phép ly thân*" đảm bảo được quyền lợi của người vợ trong đời sống hôn nhân gia đình.

** Sắc luật số 15/64 ngày 23 tháng 07 năm 1964 về giá thú, tư hệ và tài sản cộng đồng của chính quyền Nguyễn Khánh*

Sắc luật số 15/64 ban hành ngày 23 tháng 07 năm 1964 gồm 158 Điều quy định về giá thú, tư hệ và tài sản cộng đồng. Trong đó, vấn đề bảo vệ quyền của người vợ được thể hiện trong các quy định về căn cứ ly hôn chung cho vợ và chồng tại Điều 63, Sắc luật số 15/64.

** Bộ Dân luật Sài Gòn ngày 20 tháng 12 năm 1972 của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu*

Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972 gồm có 5 quyền trong đó những quy định thể hiện sự tiến bộ về quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng được quy định tại thiên thứ V quyền số 1. Trong đó có một số quy định khá tiến bộ thể hiện quyền của người phụ nữ tại Điều 136, Điều 137.

Những quy định trên đã mang lại nhiều hơn cho người vợ sự bình đẳng với người chồng trong đời sống hôn nhân và gia đình cũng như đảm bảo quyền và lợi ích của mình.

1.2.2.3. Quyền của người phụ nữ trong pháp luật hôn nhân và gia đình giai đoạn từ 1975 đến nay

** Quyền của người phụ nữ trong Luật HN&GD năm 1986*

Kế thừa và phát triển Luật HN&GD năm 1959, Luật HN&GD năm 1986 ta đã tiến thêm một bước rất quan trọng về bảo vệ quyền của người phụ nữ, theo đó quyền của người phụ nữ được thể hiện tại Điều 11, Điều 13.

Có thể nói, những quy định trên góp phần vào sự nghiệp giải phóng phụ nữ, xây dựng gia đình xã hội chủ nghĩa thật sự dân chủ, hòa thuận, hạnh phúc và bền vững, thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

** Quyền của người phụ nữ trong Luật HN&GD năm 2000*

Công cuộc đổi mới đã thu được nhiều thành tựu, tác động đến muôn mặt của đời sống xã hội, trong đó có vấn đề HN&GD. Trên cơ sở kế thừa

các quy định tiến bộ qua các bản hiến pháp và văn bản luật hôn nhân và gia đình qua các năm, Luật HN&GD năm 2000 đã có những quy định thống nhất và toàn diện về quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng tại Điều 21, Điều 23 của Luật.

Các quy định này góp phần đảm bảo thực hiện tốt quyền nhân thân cho người vợ cũng như ngăn chặn các hành vi xâm phạm đến người vợ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng trên thực tế.

** Quyền của người phụ nữ trong Luật HN&GD năm 2014*

Luật HN&GD năm 2014 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua vào ngày 19 tháng 06 năm 2014 với 9 chương và 133 Điều. Luật được xây dựng trên cơ sở kế thừa các giá trị của Luật HN&GD năm 2000 và thể chế hóa đường lối của Đảng về hôn nhân và gia đình. Trên cơ sở quy định của những nguyên tắc cơ bản. Luật HN&GD năm 2014 đã có những quy định cụ thể, đầy đủ về quyền của người vợ chẳng hạn tại quy định Điều 17, khoản 2 Điều 19.

Có thể nói, Luật HN&GD năm 2014 mang đến nhiều quy định tiến bộ nhằm bảo vệ tốt hơn quyền của các chủ thể trong quan hệ HN&GD nói chung. Đây là một bước phát triển mới của pháp luật về HN&GD ở Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, thực hiện các quan hệ HN&GD tiến bộ, hạnh phúc.

Chương 2

NỘI DUNG BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG QUAN HỆ NHÂN THÂN GIỮA VỢ VÀ CHỒNG THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2014

2.1. Quyền của người vợ được yêu thương, chung thủy và được chăm sóc, quý trọng

2.1.1. Quyền được yêu thương, chung thủy

Quyền được thương yêu, chung thủy của người vợ được thể hiện ở mặt vật chất và tinh thần. Về phương diện vật chất, vợ chồng có nghĩa vụ hợp tác trong việc bảo đảm đáp ứng các yêu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình, của

mỗi cá nhân. Về phương diện tình cảm, vợ chồng phải dành cho nhau sự thương yêu, chung thủy, đùm bọc lẫn nhau trong đời sống hàng ngày, đặc biệt là khi đau ốm, gặp khó khăn.

2.1.2. Quyền được chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng

Quyền được chăm sóc, quý trọng, giúp đỡ được thể hiện ở hành vi, cách cư xử và thái độ của người chồng. Đó là sự yêu mến, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của người vợ; giữ gìn danh dự, uy tín, nhân phẩm; quan tâm, động viên lẫn nhau và tạo điều kiện để người vợ có khả năng phát huy những điểm mạnh của bản thân.

2.1.3. Quyền sống chung giữa vợ và chồng

Nghĩa vụ sống chung giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật HN&GD năm 2014. "Nghĩa vụ sống chung" là nghĩa vụ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng, phát sinh trên cơ sở hôn nhân hợp pháp. Theo đó, vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ tạo lập một cuộc sống chung, một nơi ở chung để xây dựng, bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình hạnh phúc, vững mạnh, tiến bộ. Đây là quy định mới của Luật HN&GD năm 2014 nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc theo đúng nghĩa.

2.2. Quyền bình đẳng của người vợ trong việc thực hiện các quan hệ gia đình

2.2.1. Quyền bình đẳng của vợ đối với chồng trong mối quan hệ với con

** Quyền lựa chọn họ, tên cho con*

Quyền của người vợ trong việc lựa chọn họ, tên cho con thực hiện thông qua thỏa thuận với chồng, theo đó, họ, tên của con có thể theo họ mẹ. Về vấn đề này được quy định tại điểm e khoản 1 mục II Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 06 năm 2008 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính Phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch. Đây là quy định mở tạo điều kiện cho người vợ có vị trí ngang bằng với người chồng, hạn chế ảnh hưởng của phong tục.

** Quyền đối với việc lựa chọn quốc tịch cho con*

Quyền của người mẹ trong việc lựa chọn quốc tịch cho con được thể hiện tại khoản 2 Điều 16 luật quốc tịch năm 2008. Quy định trên tạo sự bình

đăng của người vợ đối với người chồng trong việc quyết định những vấn đề về nhân thân đối với con cái.

** Quyền lựa chọn tôn giáo, nơi cư trú cho con*

Quyền của người mẹ trong việc lựa chọn tôn giáo, nơi cư trú được thể hiện ở việc vợ và chồng cũng có thể thỏa thuận để lựa chọn cho con theo tôn giáo của cha hoặc mẹ, cư trú cùng cha hoặc mẹ để tạo điều kiện tốt nhất cho con.

** Quyền bình đẳng trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con*

Quyền của người mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con được thể hiện trong các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 69 và và khoản 1 Điều 71 của Luật HN&GD năm 2014. sự bình đẳng của người vợ đối với người chồng thể hiện ở quyền được yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, đảm bảo cho con không phải sống trong sự ngược đãi, hành hạ hoặc bị xúc phạm.

** Quyền bình đẳng trong việc đại diện cho con*

Quyền của người phụ nữ trong việc đại diện cho con được thể hiện trong các quy định tại khoản 3 Điều 69 và khoản 1, khoản 2 Điều 73 của Luật HN&GD năm 2014. Theo đó, vợ cùng chồng là người đại diện của con, vợ và chồng có thể thỏa thuận một trong hai người là người đại diện cho con trong các giao dịch dân sự.

Các quy định trên tạo cho người phụ nữ được đảm bảo quyền bình đẳng đối với người chồng trong mối quan hệ với các con, thúc đẩy sự nghiệp bình đẳng giới.

2.2.2. Quyền bình đẳng trong việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình

Luật HN&GD năm 2014 ghi nhận và bảo vệ sự bình đẳng của người vợ trong việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình tại những quy định mang tính nguyên tắc của Luật. Theo đó, khoản 4 Điều 2 quy định: "*Giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình*". Quyền bình đẳng của người vợ đối với người chồng trong việc thực hiện chính sách dân số thể hiện ở việc: Người vợ có thể cùng người chồng quyết định việc sinh con hay không, số lần sinh con,

thời gian sinh con, có quyền được lựa chọn các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, không chỉ áp dụng biện pháp tránh thai đối với người vợ mà còn cả đối với người chồng, để đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người vợ.

2.2.3. Quyền đại diện của người vợ

Trong cuộc sống gia đình, để đảm bảo cho những nhu cầu của gia đình đòi hỏi vợ, chồng phải tham gia các giao dịch dân sự. Việc người vợ được phép đại diện cho người chồng tham gia những giao dịch dân sự phát sinh trên cơ sở ủy quyền của người chồng.

Bên cạnh đó, quyền đại diện của người vợ cũng được đặt ra khi người chồng bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Quyền đại diện mang lại cho người vợ sự tự quyết, sự bình đẳng đối với người chồng trong các giao dịch dân sự cũng như tạo cơ chế đồng bộ trong việc bảo vệ quyền của người phụ nữ dưới góc độ bình đẳng giới. Theo các căn cứ xác lập quyền đại diện tại khoản 2, khoản 3 Điều 24, Luật HN&GD năm 2014 đã có những quy định bổ sung về quyền đại diện giữa vợ và chồng tại khoản 1 Điều 25 và khoản 1 Điều 26. Việc quy định người vợ có quyền đại diện cho người chồng xét ở góc độ giới, đó là sự đảm bảo bình đẳng về quyền và cơ hội cho người phụ nữ, tạo điều kiện đảm bảo thực hiện bình đẳng giới thực chất giữa vợ và chồng trên thực tế.

2.2.4. Quyền của người vợ trong việc thực hiện trách nhiệm liên đới của vợ, chồng

Theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 27 Luật HN&GD năm 2014 trách nhiệm liên đới giữa vợ và chồng phát sinh khi một bên thực hiện các giao dịch đáp ứng nhu cầu cần thiết hoặc các giao dịch khác vì lợi ích chung của gia đình phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền của người phụ nữ trong việc thực hiện trách nhiệm liên đới được thể hiện ở việc khi người vợ thực hiện các giao dịch đáp ứng nhu cầu cần thiết hoặc các giao dịch khác vì lợi ích của gia đình, cũng như việc thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, chẳng hạn như nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm, nghĩa vụ bồi thường

thiệt hại do con gây ra... được thừa nhận là phù hợp với quy định pháp luật, người chồng không thể tuyên bố các giao dịch này là vô hiệu. Trong trường hợp tài sản chung của vợ chồng không đủ để thanh toán nghĩa vụ thì vợ chồng phải chịu trách nhiệm bằng tài sản riêng của mỗi người.

Quy định về trách nhiệm liên đới của vợ và chồng khắc phục được tình trạng thường xảy ra trên thực tế: đó là sự thờ ơ, vô trách nhiệm của người chồng đối với công việc gia đình. trách nhiệm liên đới của vợ và chồng là một quy định rất quan trọng và cần thiết, nhằm ràng buộc trách nhiệm giữa vợ và chồng với nhau, vừa đảm bảo cuộc sống gia đình vừa đảm bảo quyền lợi của người thứ ba khi tham gia giao dịch do một bên vợ hoặc chồng thực hiện.

2.2.5. Quyền được lựa chọn nơi cư trú

Điều 20 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "*Việc lựa chọn nơi cư trú của vợ chồng do vợ chồng thỏa thuận, không bị ràng buộc bởi phong tục, tập quán, địa giới hành chính*". Quyền lựa chọn nơi cư trú của người phụ nữ là một nội dung trong quyền nhân thân của người phụ nữ trong quan hệ giữa vợ và chồng và sự ghi nhận bằng pháp luật quyền bình đẳng của người vợ trong việc lựa chọn nơi cư trú là cơ sở pháp lý quan trọng giúp người phụ nữ thoát khỏi ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến, phong tục, tập quán lạc hậu, giúp họ có được sự "độc lập" trong gia đình.

2.2.6. Quyền được lựa chọn nghề nghiệp, học tập và tham gia các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội

Điều 23 Luật HN&GD năm 2014 quy định như sau: "*Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp; học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội*"

Đảm bảo sự bình đẳng của người vợ trong việc lựa chọn nghề nghiệp, học tập và tham gia các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội chính là tạo điều kiện để người vợ tham gia vào đời sống xã hội, tạo cho người vợ vị thế bình đẳng, ngang quyền với người chồng trong đời sống gia đình và xã hội cũng như là căn cứ để đảm bảo quyền lợi của người vợ, góp phần vào sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

2.2.7. Quyền được tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

Điều 22 Luật HN&GD Việt Nam năm 2014 quy định về quyền tự do, tín ngưỡng, tôn giáo như sau: "*Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau*"

Như vậy, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người phụ nữ xuất phát từ nhóm quyền cơ bản của công dân, được pháp luật ghi nhận và bảo đảm thực hiện. Đây cũng là một nội dung về giải phóng phụ nữ và đảm bảo về bình đẳng giới.

2.2.8. Quyền của người vợ trong việc ly hôn

Khoản 14 Điều 3 Luật HN&GD năm 2014 quy định: "*Ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án*"

Việc bảo vệ quyền của người vợ trong ly hôn được thể hiện ở những nội dung sau:

*** Quyền được yêu cầu ly hôn**

Điều 51 Luật HN&GD năm 2014 quy định về quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Theo đó, quyền của người vợ trong việc yêu cầu ly hôn được thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, người vợ có quyền được yêu cầu ly hôn trong cả hai trường hợp: Thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật HN&GD năm 2014 và ly hôn do một bên vợ yêu cầu tại Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

Thứ hai, quy định về trường hợp cha, mẹ, người thân thích khác trong gia đình có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đây là quy định mới của Luật HN&GD năm 2014 và có ý nghĩa thiết thực trong bảo vệ quyền của người phụ nữ, trong trường hợp khi người vợ là nạn nhân của bạo lực gia đình do người chồng gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe và tinh thần cho người vợ thì cha mẹ, người thân thích của người vợ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Thứ ba, quy định về hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của người chồng. Trong trường hợp người vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì người chồng không được yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Mục đích của quy định này là gắn trách nhiệm của người chồng trong việc

tạo điều kiện cho người vợ thực hiện chức năng làm mẹ. Tuy nhiên, khi quan hệ vợ chồng đã trở nên phức tạp và chỉ làm cho người vợ thêm đau khổ thì người vợ có yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án vẫn thụ lý đơn yêu cầu xin ly hôn của người vợ và giải quyết ly hôn theo quy định chung.

** Quyền trực tiếp nuôi con khi ly hôn*

Được quy định tại Khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật HN&GD năm 2014. Đây là quy định thể hiện quyền ưu tiên nuôi con về phía người mẹ trong trường hợp ly hôn - đảm bảo thiên chức làm mẹ của người phụ nữ.

** Quyền của người mẹ trong việc thăm nom con sau khi ly hôn*

Được quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật HN&GD năm 2014. Quy định này không những tạo cho người phụ nữ được thực hiện quyền của mình mà còn đảm bảo cho người con được hưởng sự quan tâm, chăm sóc của mẹ cho sự tăng trưởng và phát triển của con cái

Chương 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG QUAN HỆ NHÂN THÂN GIỮA VỢ VÀ CHỒNG

3.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng

3.1.1. Những thành tựu đã đạt được

** Quyền được thương yêu, chăm sóc và tôn trọng*

Trong xã hội ngày nay, người phụ nữ trong gia đình ngày càng được quan tâm, được bảo đảm quyền lợi. Tình trạng bạo lực gia đình có xu hướng giảm qua các năm. Qua kết quả nghiên cứu trên cho thấy được thực trạng số hộ gia đình có bạo lực có xu hướng giảm đi từ năm 2009 là 89.902 hộ xuống 33.904 hộ vào tháng 9/2011.

** Trong việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình*

Vấn đề quyền của người vợ trong việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình đã đạt được nhiều thành tựu thể hiện thông qua kết quả tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai có xu hướng tăng lên qua các năm và

ở khu vực nông thôn có tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai cao hơn so khu vực thành thị và tỷ lệ giảm sinh con thứ 3 trở lên.

** Trong lĩnh vực về chính trị*

Quyền của người phụ nữ trong lĩnh vực chính trị đã đạt được nhiều thành tựu thể hiện thông qua tỷ lệ phụ nữ tham gia Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là đại biểu Quốc hội tăng liên tục trong các khóa gần đây và trong quản lý nhà nước và xã hội tỉ lệ người phụ nữ tham gia, nắm giữ những vị trí quan trọng có xu hướng tăng, đóng góp tích cực trong các cơ quan hành pháp, tư pháp, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp...

** Trong lĩnh vực lao động, việc làm*

Trong lĩnh vực lao động và việc làm người phụ nữ đang ngày càng được quan tâm hơn, tạo điều kiện để người phụ nữ được quyền tự chủ trong gia đình về vấn đề kinh tế, việc làm. Từng bước thúc đẩy cho người phụ nữ được tiếp cận với những hình thức, loại hình công việc mới. Quy định này góp phần đảm bảo cho người phụ nữ được bình đẳng với người chồng trong việc tham gia lao động, sản xuất. Việc thực hiện Đề án 295/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2010 về "Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 - 2015".

3.1.2. Một số khó khăn, vướng mắc trong việc bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong việc bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng thì vẫn còn nhiều bất cập hạn chế cũng như khó khăn, vướng mắc trong thi hành pháp luật dẫn đến ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người phụ nữ. Thực tế, chúng ta có thể nhìn nhận thông qua các vấn đề như sau:

** Tình trạng bạo lực gia đình còn tồn tại, thậm chí có trường hợp nghiêm trọng*

Hiện nay quyền được thương yêu, chăm sóc và quý trọng của người vợ vẫn còn bị xâm phạm. Tình trạng bạo lực được thể hiện qua tỷ lệ người vợ có chồng bị chồng gây các hành vi bạo lực thể xác khác nhau và tỷ lệ các hành vi bạo lực tình dục cụ thể do chồng gây ra theo sự trả lời của phụ nữ vẫn còn tồn tại, thậm chí có trường hợp nghiêm trọng.

** Tình trạng người vợ vẫn phải sinh con thứ ba trái với ý muốn*

Trong việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình bên cạnh những thành tựu đã đạt được vẫn tồn tại những hạn chế, vướng mắc trong vấn đề người vợ phải sinh con thứ ba trái với ý muốn. Bên cạnh đó, một hạn chế trong việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình còn thể hiện ở việc người phụ nữ vẫn là người chủ yếu tham gia thực hiện các biện pháp tránh thai. Vì vậy, pháp luật hôn nhân và gia đình cần có những sửa đổi, bổ sung để đảm bảo được tốt hơn nữa quyền và lợi ích của người phụ nữ.

** Tình trạng đứng tên trên giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản*

Trong thực tiễn cuộc sống hiện nay, mặc dù nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong gia đình và các quyền cơ bản của người phụ nữ trong gia đình được đảm bảo bởi hệ thống pháp luật, nhưng trên thực tế trong lĩnh vực đứng tên giấy sở hữu, quyền sử dụng một số tài sản chưa thực sự được bảo vệ hợp lý, người phụ nữ chưa được tôn trọng cao, chưa được đảm bảo quyền tự quyết, bình đẳng của mình trong việc đại diện chồng tham gia các giao dịch dân sự, xét dưới góc độ bình đẳng giới.

** Quyền tham gia chính trị*

Quyền người phụ nữ trong lĩnh vực chính trị, trong việc quản lý nhà nước và tham gia vào các tổ chức đảng, tổ chức chính trị chưa được quan tâm cao mặc dù cũng đã thu được nhiều thành tựu rõ rệt. Theo báo cáo của Chính phủ trong bình đẳng giới ở lĩnh vực chính trị, Ủy ban cho rằng: Kết quả thực hiện vẫn ở mức thấp so với mục tiêu và dự báo đến năm 2015 vẫn khó có thể đạt được mục tiêu 80%. Báo cáo cho thấy, hiện nay chỉ có 15/30 (50%), bộ, cơ quan ngang, cơ quan thuộc Chính phủ có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ 24/63 (38%) tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nữ Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân.

** Quyền quyết định của người phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế*

Thực tế cho thấy ngày nay, trong lĩnh vực kinh tế người vợ chưa có nhiều cơ hội tham gia các hoạt động về kinh tế cũng như cùng chồng bàn bạc, quyết định các công việc trong gia đình, tức vị thế của người phụ nữ còn hạn chế trong quyền được thể hiện ý kiến, quyền tự quyết của bản thân.

** Về quyền của người phụ nữ trong lĩnh vực lao động, xã hội*

Vấn đề phân hóa lao động trong gia đình hiện nay vẫn có sự khác biệt giữa vợ và chồng. Theo đó, hiện nay người vợ mất khá nhiều thời gian cho công việc gia đình như chăm sóc con cái, nội trợ, bếp núc, các công việc khác... trong đó trách nhiệm của người chồng trong lao động, công việc nhà dường như chưa cao. Vì vậy, cần thiết phải có quy định rõ ràng, cũng như có những hình thức tuyên truyền rõ rệt để đảm bảo thiết thực quyền lợi của người phụ nữ dưới góc độ bình đẳng giới.

** Về quyền của người vợ khi ly hôn*

Việc đảm bảo quyền và lợi ích của người vợ trên thực tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế khi ly hôn. Vấn đề này có nguyên nhân từ chính hành vi bạo lực gia đình, mà chủ yếu là từ người chồng.

Nhiều trường hợp chưa ly hôn người phụ nữ đã phải ra khỏi nhà vì không thể chịu được cảnh bạo lực do mâu thuẫn hoặc nguyên nhân từ phía gia đình nhà chồng. Một số trường hợp khác, người phụ nữ muốn ra khỏi nhà để tự giải thoát mình khỏi bạo lực nhưng lại không được chấp nhận bị cản trở khi thực hiện.

3.2. Một số đề xuất nhằm bảo đảm quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng

3.2.1. Tiếp tục hoàn thiện các quy định trong các văn bản pháp luật về hôn nhân và gia đình

Để bảo vệ tốt hơn quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng thì Nhà nước cần rà soát lại các chính sách và hệ thống pháp luật, đặc biệt là các văn bản pháp luật về hôn nhân và gia đình để xóa bỏ những nội dung, điều luật cản trở sự bình đẳng cũng như bảo vệ được quyền và lợi ích của người phụ nữ nhất là trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng. Trên cơ sở nghiên cứu, luận văn đưa ra một số đề xuất để bảo vệ tốt hơn nữa quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng như sau:

Thứ nhất, cần quy định rõ về hành vi vi phạm quyền được yêu thương, chung thủy và có chế tài xử lý

Theo quan điểm của tôi, để coi là có vi phạm nghĩa vụ chung thủy chỉ cần xác định là người chồng có hành vi kết hôn hoặc chung sống hoặc ngoại

tình với người khác có thể là công khai hoặc bí mật, có thể kéo dài hoặc trong một thời gian ngắn miễn là hành vi đó gây ra những hậu quả nhất định về vật chất, tinh thần cho người vợ.

Thứ hai, cần phải bổ sung thêm quy định về biện pháp xử phạt hành chính về căn cứ những bổ sung trong việc quy định rõ các chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với từng dạng hành vi bạo lực như bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần, bạo lực tinh dục đối với người vợ. Có thể, thì quyền lợi của người phụ nữ mới được đảm bảo một cách chính đáng.

Thứ ba, cần có quy định cụ thể trong việc lựa chọn họ cho con nhằm đảm bảo về quyền của người phụ nữ

Để đảm bảo cho quyền lợi của người mẹ trong việc lựa chọn họ cho người con thì theo tôi cần xem xét quy định của dự thảo BLDS năm 2015 trong việc lựa chọn. Khoản 2 Điều 31 dự thảo BLDS năm 2015. Quy định trên tạo cho người vợ có quyền bình đẳng với người chồng trong mối quan hệ với con cái dưới góc độ bình đẳng giới.

Thứ tư, cần đảm bảo quyền bình đẳng của người mẹ bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự trong việc chăm sóc con.

Luật HN&GD năm 2014 cần có những quy định mở rộng trong việc đảm bảo quyền của người phụ nữ khi họ bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì quyền của họ vẫn được đảm bảo trong việc chăm sóc, bảo vệ con cái bằng cách quy định người thân trong gia đình như ông bà, anh chị, em... có quyền được thay người mẹ chăm sóc, giáo dục cháu, cũng như quy định trách nhiệm của những người thân thích có quyền được xem xét, giám sát khi người chồng có những hành vi bạo lực đối với người con để phát hiện kịp thời, đảm bảo cho quyền lợi của người mẹ cũng như sự phát triển sau này của trẻ.

Thứ năm, trong việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình Luật HN&GD năm 2014 cần có những quy định nâng cao trách nhiệm của người chồng trong việc thực hiện các biện pháp tránh thai.

Thứ sáu, vấn đề bảo vệ quyền của người phụ nữ trong quyền đại diện

Để đảm bảo quyền đại diện của người phụ nữ thì các quy định của pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản cần phải

được sửa đổi, bổ sung quy định rõ ràng về việc quy định đứng tên cả vợ và chồng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các quy định có liên quan đến thủ tục kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải có phần kê khai tình trạng hôn nhân để đảm bảo được tốt hơn quyền tự quyết của người vợ xét dưới khía cạnh quyền nhân thân khi tham gia các giao dịch dân sự.

Thứ bảy, trong lĩnh vực học tập, kinh tế, chính trị, lao động

Để đảm bảo và nâng cao quyền của người phụ nữ trong các lĩnh vực học tập, kinh tế, chính trị, lao động hơn hết cần phải thực hiện tốt đó là bản thân người phụ nữ cần phải tự cố gắng vươn lên trong mọi lĩnh vực, nghiên cứu nâng cao trình độ để tiến tới bình đẳng giới trong xã hội hiện nay, gia đình phải tạo điều kiện để phụ nữ có thể học tập nâng cao trình độ và bản thân người phụ nữ phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa gia đình và sự nghiệp.

Thứ tám, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình mặc dù đã có một số mức phạt đối với hành vi xâm phạm quyền lợi của người phụ nữ nhưng dường như những mức phạt đưa ra còn thấp so với điều kiện kinh tế hiện nay, không có tính răn đe. Cần thiết có sự điều chỉnh, bổ sung vấn đề này theo hướng nâng cao mức phạt đối với hành vi bạo lực gia đình bởi hậu quả mà hành vi vi phạm để lại gây thiệt hại nhiều về mặt tinh thần. Có như vậy mới đảm bảo được quyền lợi chính đáng của người phụ nữ.

Thứ chín, Điều 130 Bộ luật hình sự quy định về tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ.

Theo quy định trên, các hành vi xâm phạm quyền của người phụ nữ dường như vẫn chưa đủ răn đe, và thực tế hiện nay nạn bạo lực gia đình vẫn diễn ra và khó kiểm soát được. Do đó đề nghị phải bổ sung quy định còn thiếu này để bảo vệ tốt hơn quyền của người phụ nữ.

3.2.2. Nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật

Để pháp luật đi vào cuộc sống và quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng thực hiện được bảo vệ, phát huy hiệu quả trên thực tế thì một trong những biện pháp hết sức quan trọng đó là đẩy mạnh công tác

phổ biến, giáo dục pháp luật để toàn xã hội cũng như bản thân người phụ nữ được nâng cao nhận thức tự bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đối với phụ nữ, thực hiện tốt luật pháp và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn; có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp, các ngành, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em;

Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cần quan tâm, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật. Chính phủ đã thành lập "*Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ*" - là tổ chức phối hợp chỉ đạo giữa các cơ quan, ban, ngành, tổ chức ở trung ương và địa phương về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Đối với ngành Tư pháp - cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật - cần phát huy hơn trách nhiệm của mình trong việc tập trung chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai, thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho phụ nữ.

Đảm bảo sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho phụ nữ. Nâng cao vai trò hoạt động của mô hình Câu lạc bộ "Phụ nữ với pháp luật", Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý... nhằm lồng ghép phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý đến từng địa bàn khu dân cư và từng chị em phụ nữ

Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên về pháp luật hội tụ đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Tư pháp, đặc biệt am hiểu về các vấn đề phụ nữ, về quyền bình đẳng của người phụ nữ trong gia đình.

Mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chính sách, pháp luật về Luật hôn nhân và gia đình, ví dụ các lớp bồi dưỡng về kiến thức pháp luật và kỹ năng tuyên truyền cho tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên cơ sở...

Thực hiện tuyên truyền chính sách, pháp luật thông qua việc biên soạn tờ rơi, tài liệu, sách cẩm nang, băng, đĩa phản ánh thực tế kết quả bảo vệ quyền của người phụ nữ.

Ngoài ra, nên lồng ghép việc phổ biến, giáo dục pháp luật vào các hoạt động sinh hoạt cộng đồng, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, các buổi họp của các đoàn thể quần chúng ở cơ sở....

KẾT LUẬN

Luật HN&GD năm 2014 là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc xây dựng, hoàn thiện và bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ, xây dựng chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các thành viên trong gia đình, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

Đặc biệt, các quy định về nhân thân của vợ chồng trong Luật HN&GD năm 2014 về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay và quan trọng hơn là đã tạo cho người phụ nữ có những cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quan hệ nhân thân với người chồng, đấu tranh chống lại những hành vi xâm phạm đến quyền lợi của mình. Mặc dù, thực tế vẫn còn tồn tại một số vướng mắc từ cơ chế pháp lý cũng như quan niệm xã hội nhưng người phụ nữ vẫn hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình và đóng góp to lớn cho việc xây dựng, phát triển, gìn giữ tổ ấm của mình, đóng góp lợi ích vật chất to lớn cho xã hội.

Vì vậy, để đảm bảo quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng và khắc phục những tồn đọng, vướng mắc về việc đảm bảo quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng và từng bước phát triển nội dung của hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền của người phụ nữ đòi hỏi phải có những biện pháp khả thi trong thực tiễn. Những giải pháp đặt gia phải xuất phát từ những nhân tố, những chế định, những điều kiện thực hiện quyền con người trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể để tìm ra những giải pháp hữu hiệu. Như vậy, việc đảm bảo quyền của người phụ nữ trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng là một đòi hỏi thiết thực hiện nay. Phải làm thế nào để quyền của người phụ nữ được đảm bảo thực hiện trên thực tế, mọi lúc, mọi nơi. Đó chính là mục tiêu của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay để xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.